

BỘ TÀI CHÍNH-ỦY BAN
DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI
Số: 50/TT-LB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 7 năm 1995

THÔNG TƯ

LIÊN BỘ TÀI CHÍNH - ỦY BAN DÂN TỘC MIỀN NÚI

Hướng dẫn quản lý, cấp phát, sử dụng

nguồn vốn hỗ trợ dân tộc thiểu số, dân tộc Khơ Me, Chăm đặc biệt khó khăn

Thực hiện Nghị quyết số 22/NQ-TW ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về một số chủ trương chính sách lớn về phát triển kinh tế xã hội Miền núi, Quyết định số 72/HĐBT ngày 13/5/1990 của Bộ đồng Bộ trưởng về một số chủ trương, chính sách cụ thể phát triển kinh tế xã hội Miền núi.

Để đảm bảo việc sử dụng vốn NSNN đầu tư hỗ trợ các dân tộc thiểu số Dân tộc Chăm, Khơ me đặc biệt khó khăn đúng mục đích, có hiệu quả; Liên Bộ Tài chính - Ủy ban Dân tộc Miền núi hướng dẫn quản lý, cấp phát sử dụng nguồn vốn hỗ trợ các Dân tộc đặc biệt khó khăn như sau:

I. Nguyên tắc chung:

1. Vốn hỗ trợ các Dân tộc thiểu số, Dân tộc Chăm, Khơ me đặc biệt khó khăn là nguồn vốn Ngân sách Nhà nước đầu tư nhằm giúp các Dân tộc thiểu số, Dân tộc Chăm, Khơ me đặc biệt khó khăn ổn định đời sống, từng bước hoà nhập với cộng đồng dân cư trong khu vực phải được đầu tư trực tiếp cho hộ gia đình; nội dung hỗ trợ bao gồm:

- Hỗ trợ đời sống
- Hỗ trợ phát triển sản xuất dưới hình thức cho vay với lãi suất thấp hoặc không lãi.

2. Vốn hỗ trợ các Dân tộc thiểu số, Dân tộc Chăm, Khơ me đặc biệt khó khăn hàng năm được cân đối vào ngân sách địa phương do Sở Tài chính - Vật giá tỉnh cấp phát qua hệ thống kho bạc Nhà nước cấp trực tiếp cho hộ gia đình và phải được quyết toán số kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

3/ Ủy ban Dân tộc và Miền núi có trách nhiệm hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn hỗ trợ các Dân tộc đặc biệt khó khăn của các địa phương, đảm bảo việc sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, đúng chế độ quy định.

II. Những quy định cụ thể:

1. Đối tượng, nội dung chi và mức chi:

Vốn hỗ trợ các Dân tộc thiểu số, Dân tộc Chăm, Khơ me có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhằm giúp các Dân tộc ổn định đời sống, từng bước hoà nhập với cộng đồng dân cư trong khu vực, bao gồm các nội dung chi chủ yếu và mức chi sau đây:

- Hỗ trợ đời sống cho các hộ đặc biệt khó khăn, không có đủ lương thực để ăn, không có đủ đồ dùng thiết yếu cho sinh hoạt như: quần áo, chăn màn, xoong, dao, cuốc... vốn hỗ trợ mỗi hộ từ 200.000đ đến 300.000đ/1 hộ.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất bao gồm: hỗ trợ các loại cây giống, con giống, xây dựng vườn hộ, sản xuất chế biến nhỏ...

Để các hộ phát huy tốt số vốn được hỗ trợ đem lại hiệu quả thiết thực, vốn hỗ trợ sản xuất có thể áp dụng phương thức cho vay với lãi suất thấp (0,3%/tháng) hoặc không tính lãi.

+ Mức cho vay với lãi suất 0,3%/tháng không quá 1,5 triệu đồng/hộ, thời hạn trả không quá 2 năm.

+ Mức cho vay không tính lãi không quá 1 triệu đồng/1 hộ, thời hạn trả không quá 1 năm.

Đối tượng cho vay không tính lãi là các hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không có tư liệu để sản xuất.

Đối tượng được vay với lãi suất thấp là các hộ có tư liệu sản xuất nhưng không có vốn để đầu tư phát triển sản xuất.

2. Lập kế hoạch, phân bổ vốn, tổ chức cấp phát vốn:

a) Lập kế hoạch, phân bổ vốn:

Hàng năm căn cứ vào tình hình cụ thể các Dân tộc thiểu số, Dân tộc Chăm, Khơ me có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, Ban Dân tộc hoặc tổ chức phụ trách công tác Dân tộc và Miền núi tỉnh lập dự toán kinh phí hỗ trợ các Dân tộc đặc biệt khó khăn gửi Sở Tài chính - Vật giá, Ủy ban Kế hoạch tỉnh để tổng hợp trình Ủy ban Nhân dân tỉnh duyệt gửi cho Ủy ban Dân tộc và Miền núi; Ủy ban Dân tộc và Miền núi tổng hợp, lập dự toán kinh phí hỗ trợ các Dân tộc thiểu